TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST
Ngày: 16 - 01 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Lê Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 505/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 461/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông H, sinh năm: 1965

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 3, xã K, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông H1, địa chỉ: Ấp A1, xã A2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 022080 ngày 24 tháng 6 năm 2017 lập tại Văn phòng công chứng Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn:

2.1. Anh V, sinh năm: 1990

Địa chỉ: 19 đường F, tổ 2, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị G, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy

quyền số 002307 ngày 22 tháng 11 năm 2017 lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Ông R, sinh năm: 1955

2.3. Bà M, sinh năm: 1957

Cùng địa chỉ: Số N1 đường F, tổ O, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị T, địa chỉ: Tổ Q, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền số 022422 ngày 27 tháng 6 năm 2017 lập tại Văn phòng công chứng Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà T1, địa chỉ: 126 đường M, khu phố L, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh là luật sư của Văn phòng luật sư Đoàn Gia Phúc thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà S, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 3, xã K, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H1, chị G, chị T và bà T1 có mặt tại phiên tòa. Bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2017 của ông H và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông H1 là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 30/5/2016, ông H đã cho vợ chồng ông R, bà M và anh V (con trai ông R, bà M) vay số tiền 400,000,000đ (bốn trăm triệu) đồng theo các Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016, số công chứng: 0003506/HĐGD-HĐVT lập tại Văn phòng công chứng Tân Quy, Thành phố Hồ Chí Minh ký giữa ông H (bên cho vay) và ông V (bên vay) và Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016 ký giữa ông H (bên cho vay) và ông R, bà M (bên vay) với thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày hợp đồng được công chứng, mục đích vay sử dụng để kinh doanh, lãi suất theo lãi suất ngân hàng nhưng đến nay ông R, bà M và anh V không trả tiền lãi và trả vốn vay. Ông H yêu cầu Tòa án buộc ông R, bà M và anh V trả số tiền 400,000,000đ (bốn trăm triệu) đồng tiền vốn vay và tiền lãi tính từ ngày 30/5/2016 cho đến ngày 30/12/2017 theo lãi suất cơ bản là 9%/năm, yêu cầu trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đối với tiền lãi sau ngày 30/12/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông H không yêu cầu ông R, bà M và anh V trả.

Tại lời khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh V ủy quyền cho chị G làm người đại diện hợp pháp trình bày: Thống nhất với lời khai của ông H về số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả nợ và mục đích vay, tuy nhiên người đại diện hợp pháp của anh V cho rằng, việc vay tiền giữa anh V và ông H đã được thực hiện từ trước đó vào tháng 6/2015, các bên có lập hợp đồng vay tiền và anh V đã nhận tiền làm hai đợt, mỗi đợt nhận 200,000,000 đồng và từ đó đến nay anh V đã trả tiền lãi cho ông H mỗi tháng 12,000,000 đồng, trả liên tục trong vòng 18 tháng, số tiền lãi đã

trả khoảng 200,000,000 đồng, lý do của việc đến nay không trả nợ tiếp là do anh V gặp khó khăn trong việc làm ăn. Anh V đồng ý trả số tiền vốn vay 400,000,000 đồng, nhưng đề nghị được trả trong thời hạn 09 tháng, trả làm 04 đợt, cụ thể ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật anh V trả 100,000,000 đồng, 03 lần tiếp theo mỗi lần cách nhau 03 tháng trả 100,000,000 đồng. Về tiền lãi theo yêu cầu của ông H thì anh V đồng ý. Ngoài ra, người đại diện của anh V xác định đây là khoản vay riêng, không liên quan đến ông R và bà M, anh V sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho ông H.

Tại lời khai cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông R, bà M ủy quyền cho chị T làm người đại diện hợp pháp trình bày: Ông R và bà M thừa nhận có ký tên và điểm chỉ vào Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016 giữa ông H (bên cho vay) và ông R, Bà M (bên vay) nhưng thực tế ông R và bà M không vay số tiền 400,000,000 đồng của ông H mà số tiền này do anh V (con trai của ông R, bà M) vay trực tiếp của ông H để làm ăn nên sẽ do anh V chịu trách nhiệm trả cho ông H. Lý do ông R và bà M ký tên và điểm chỉ trong Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016 là do vào ngày 16/11/2016, ông H có đến nhà đòi nợ số tiền 400,000,000 đồng do Vinh mượn và có hăm dọa nếu ông R, bà M không trả thay nợ cho Vinh thì sẽ tố cáo Vinh về tội chiếm đoạt tài sản, do không hiểu biết về pháp luật nên ông R và bà M đã ký tên và điểm chỉ vào trong hợp đồng vay tiền. Người đại diện hợp pháp của ông R và bà M xác định đây là khoản vay riêng của anh V, sẽ do anh V chịu trách nhiệm trả nợ, ông R và bà M không liên quan đến khoản nợ này, vì vậy không đồng ý yêu cầu khởi kiện của H.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông R, bà M trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của anh V đã thừa nhận khoản nợ 400,000,000 đồng và xác nhận đây là khoản nợ riêng của anh V. Đối với khoản nợ này ông R và bà M không biết, vì vậy ông R và bà M không có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên, chứng cứ do ông H đưa ra là 02 hợp đồng vay tiền là có sự mâu thuẫn vì Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016, số công chứng: 0003506 lập tại Văn phòng công chứng Tân Quy, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông H và anh V và Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016 giữa ông H và ông R, bà M được ký tại 02 thời điểm khác nhau, nếu chứng cứ do ông H giao nộp chỉ có một Hợp cho vay tiền ngày 30/5/2016 giữa ông H và ông R, bà M thì ông R và bà M sẽ có nghĩa vụ trả nợ cho ông H. Việc ông R và bà M có ký tên và điểm chỉ trong Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016 là do có sự hăm dọa từ phía ông H đối với anh V, do lo sợ nên ông R và bà M đã ký tên và điểm chỉ trong hợp đồng vay tiền. Tôi xác định Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016, số công chứng: 0003506 lập tại Văn phòng công chứng Tân Quy, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông H và anh V có giá trị pháp lý, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 để buộc ông V phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông H, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông R và bà M trả số tiền 400,000,000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân huyện Củ Chi thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông R, bà M và anh V trả cho ông H số tiền nợ gốc 400,000,000đ (bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền vay từ ngày 30/5/2016 đến ngày 30/12/2017 theo mức lãi suất 9%/năm là 57,000,000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, giữa ông H và anh V có giao kết Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016, số công chứng: 0003506/HĐGD-HĐVT lập tại Văn phòng công chứng Tân Quy, Thành phố Hồ Chí Minh và ông H và ông R, bà M có giao kết Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016, vì vậy có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ‘‘Tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’ quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005. Xét thấy bị đơn có nơi cư trú tại huyện Củ Chi, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thời hiệu:* Xét Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016, số công chứng: 0003506/HĐGD-HĐVT lập tại Văn phòng công chứng Tân Quy, Thành phố Hồ Chí Minh và Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 01 năm, kể từ ngày giao kết hợp đồng. Ông H cho rằng ông R, bà M và anh V chưa trả số tiền vốn vay 400,000,000đ (bốn trăm triệu) đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/5/2016. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*, ông H gửi đơn khởi kiện tại Tòa án ngày 08/5/2017 nên thời hiệu khởi kiện của ông H vẫn còn.

[3] *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, do có sự mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, căn cứ Điều 100 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành đối chất giữa các đương sự với nhau.

Xét thấy vụ án này Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, căn cứ khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân

tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[4] *Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:* Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016, số công chứng: 0003506 lập tại Văn phòng công chứng Tân Quy, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông H (bên cho vay) và anh V (bên vay) và Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016 giữa ông H (bên cho vay) và ông R, bà M (bên vay) được các bên giao kết tại thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực thi hành. Theo điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *"Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: c) Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết"*. Khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định *"Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng từ thời điểm bắt đầu có hiệu lực. Văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng đối với hành vi xảy ra tại thời điểm mà văn bản đó đang có hiệu lực. Trong trường hợp quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trở về trước thì áp dụng theo quy định đó"*, như vậy khi giải quyết vụ án này cần phải áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật, việc áp dụng về thời hiệu cũng như lãi suất chậm thi hành án nếu có sẽ được áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 để giải quyết cho phù hợp.

[5] Xét yêu cầu của ông H đòi ông R, bà M và anh V trả 400,000,000đ (bốn trăm triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của anh V thừa nhận có vay của ông H số tiền 400,000,000 đồng và không phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn. Khoản 2 và khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"...2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. 3. Đương sự có người đại diện tham gia tố tụng thì sự thừa nhận của người đại diện được coi là sự thừa nhận của đương sự nếu không vượt quá phạm vi đại diện"*, như vậy việc anh V có vay của ông H số tiền 400,000,000 đồng là có thật. Việc của người đại diện hợp pháp của anh V cho rằng, việc vay tiền giữa anh V và ông H đã được thực hiện từ trước đó vào tháng 6/2015, các bên có lập hợp đồng vay tiền và đến nay anh V đã trả cho ông H tiền lãi được khoảng 200,000,000 đồng, nhưng phía người đại diện hợp pháp của anh V không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã trả được số tiền lãi trên cũng như không cung cấp được hợp đồng vay tiền vào tháng 6/2015 giữa ông H và anh V, xét đây chỉ là lời khai từ một phía của người đại diện hợp pháp của bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận, vì vậy Hội đồng xét xử không xét xét đến lời khai này của phía người đại diện hợp pháp của anh V.

Về phía người đại diện hợp pháp của ông R, bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thừa nhận ông R và bà M có ký tên, điểm chỉ trong Hợp

đồng vay tiền ngày 30/5/2016 giữa ông H và ông R, bà M nhưng thực tế không vay số tiền 400,000,000 đồng của ông H mà số tiền này do anh V (con trai của ông R, bà M) vay của ông H để làm ăn, người đại diện hợp pháp của ông R, bà M và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng việc ông R và bà M ký tên, điểm chỉ trong Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016 là do ông H có đến nhà đòi nợ và hăm dọa Vinh dẫn đến ông R và bà M phải ký tên và điểm chỉ vào trong hợp đồng vay tiền. Xét trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông R, bà M, người đại đại diện hợp pháp của bị đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh ông H có ép buộc và đe dọa ông R và bà M phải ký tên và điểm chỉ vào Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016, mặt khác nội dung Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016 thể hiện rõ *"Bằng hợp đồng này hai bên có những thỏa thuận sau đây: Vì sức khỏe nên ông R và bà M là cha mẹ đẻ của ông V không tham gia ký hợp đồng số: 0003506 ngày 30/5/2016 tại Văn phòng công chứng Tân Quy nên ông V làm đại diện ký hợp đồng vay tiền với ông H. Nhưng ông R và bà M đã công nhận là tất cả những người cùng đứng ra vay số tiền 400,000,000 đồng ngày 30/5/2016 là đúng"*. Xét thấy phía nguyên đơn đã đưa ra được chứng cứ có giá trị pháp lý, chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên với ý kiến của ông R, bà M, người đại đại diện hợp pháp của bị đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đưa ra là không có cơ sở để xem xét.

Tại khoản 1 Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định *''Nghĩa vụ dân sự liên đới là nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ''*, như vậy ngay tại thời điểm ông R, bà M cùng ký tên, điểm chỉ trong Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016 với tư cách bên vay thì đã phát sinh nghĩa vụ dân sự liên đới cùng với anh V đối với số nợ 400,000,000 đồng. Với các chứng cứ nêu trên, có căn cứ kết luận ông R, bà M và anh V đã vay của ông H 400,000,000đ (bốn trăm triệu) đồng là có thật và cho đến nay phía ông R, bà M và anh V chưa trả số tiền này là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 290 và khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, vì vậy với yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 400,000,000đ (bốn trăm triệu) đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6]. Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền vốn vay từ ngày 30/5/2016 đến thời điểm ngày 30/12/2017 theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 3 Điều 1 Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016, số công chứng: 0003506 lập tại Văn phòng công chứng Tân Quy, Thành phố Hồ Chí Minh, các bên thỏa thuận *"Lãi suất: Theo lãi suất ngân hàng"*. Theo khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì *"Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ"*. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 01/12/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định về lãi suất cơ bản là 9%/năm, tức 0,75%/tháng, như vậy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Ngoài ra, xét thời gian nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi và không yêu cầu trả tiền lãi nợ quá hạn là tự nguyện, phù hợp với

nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời cũng có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với tiền lãi từ sau ngày 30/12/2017 đến thời điểm xét xử sơ thẩm do nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, cụ thể lãi suất được tính như sau:

Lãi suất cơ bản: Từ ngày 30/5/2016 đến 30/12/2017 là 19 tháng (400,000,000đ x 0,75% x 19 tháng) = 57,000,000đ (năm mươi bảy triệu) đồng.

Như vậy, tiền lãi bị đơn phải trả là 57,000,000đ (năm mươi bảy triệu) đồng. Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi ông R, bà M và anh V phải trả là 457,000,000đ (bốn trăm năm mươi bảy triệu) đồng.

[7] Về yêu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét số tiền nợ này bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn đã lâu, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, việc người đại diện của anh V đề nghị được trả làm nhiều lần trong thời gian 09 tháng là không có cơ sở xem xét, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm ông R, bà M và anh V phải chịu là 22,280,000đ (hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng.

Ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10,900,000đ (mười triệu chín trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006727 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 3 Điều 92; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 290; khoản 1 Điều 298; Điều 471; khoản 1 Điều 474 và khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005;

Căn cứ vào các Điều 357; Điều 429; Điều 468 và các điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

Căn cứ khoản 1 Điều 156 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông H.

1.1. Chấm dứt Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016, số công chứng: 0003506 lập tại Văn phòng công chứng Tân Quy, Thành phố Hồ Chí Minh giữa ông H (bên cho vay) và anh V (bên vay) và Hợp đồng vay tiền ngày 30/5/2016 giữa ông H (bên cho vay) và ông R, bà M (bên vay).

1.2. Buộc ông R, bà M và anh V phải thanh toán trả ông H số tiền nợ gốc 400,000,000đ (bốn trăm triệu) đồng và khoản tiền lãi là 57,000,000đ (năm mươi bảy triệu) đồng; tổng cộng là 457,000,000đ (bốn trăm năm mươi bảy triệu) đồng.

1.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Ông R, bà M và anh V phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 22,280,000đ (hai mươi hai triệu hai trăm tám mươi nghìn) đồng. Ông R, bà M và anh V chưa nộp án phí.

2.2. Ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10,900,000đ (mười triệu chín trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0006727 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

Thiếu thực hiện làm 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính